

Số: 159 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2 ngày ... tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3999/TTr-CCBVMT ngày 22 tháng 11 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2, địa chỉ trụ sở chính tại số 122 đường N1, TTHC, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Chung cư Phúc Đạt Connect 2 tại phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Chung cư Phúc Đạt Connect 2.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702768020; đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 01 năm 2021 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.



1.4. Mã số thuế: 3702768020

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ.

1.6. Văn bản số 1797/UBND-KT ngày 04 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Chung cư Phúc Đạt Connect 2.

1.7. Quyết định số 643/QĐ-STNMT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Chung cư Phúc Đạt Connect 2 của Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2.

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.8.1. Phạm vi: Tổng diện tích khu đất là 6.031,2m<sup>2</sup>, trong đó:

- Diện tích đất hữu dụng: 5.145,8 m<sup>2</sup>

+ Đất xây dựng chung cư: 2.232,6 m<sup>2</sup>

+ Đất cây xanh - mặt nước: 1.455,02 m<sup>2</sup>

+ Đất giao thông nội bộ: 1.458,18 m<sup>2</sup>

- Diện tích hành lang an toàn đường bộ: 885,4 m<sup>2</sup>

1.8.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Khu chung cư gồm 30 tầng nổi, 02 tầng hầm, 724 căn hộ, dân số 1.860 người và diện tích thương mại – dịch vụ 1.760m<sup>2</sup>. Tổng diện tích sàn: 71.697,47 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích sàn xây dựng căn hộ: 46.961m<sup>2</sup>, diện tích sàn thương mại – dịch vụ: 4.302,12 m<sup>2</sup>.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2 được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 23 tháng 11 năm 2023 đến ngày 22 tháng 11 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Chung cư Phúc Đạt Connect 2 của Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2 tại phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường Đông Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang6.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159 /GPMT-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom, đấu nối vào Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Dĩ An để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ các nhà vệ sinh của các căn hộ với lưu lượng 75 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC D150, D200, D250mm => Bể xử lý nước thải sơ bộ.

- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ lavabo, nhà tắm, máy giặt của các căn hộ với lưu lượng 204 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC D114mm => Bể xử lý nước thải sơ bộ.

- Nguồn số 03: Nước thải từ bồn rửa chén, nhà bếp của các căn hộ, khu thương mại, shophouse với lưu lượng 138,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC D150, D200mm => Bể xử lý nước thải sơ bộ.

- Nguồn số 04: Nước thải từ vệ sinh nhà chứa rác với lưu lượng 1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC D100mm => Bể xử lý nước thải sơ bộ.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh hồ bơi với lưu lượng 3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC DN90mm => Đấu nối vào Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Dĩ An.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

Bể xử lý nước thải sơ bộ có tổng thể tích 450 m<sup>3</sup> gồm có 5 ngăn: ngăn phân hủy kỵ khí (thể tích 240 m<sup>3</sup>), ngăn lắng (thể tích 108,75m<sup>3</sup>), ngăn lọc (thể tích 33,75 m<sup>3</sup>), ngăn tách mỡ (thể tích 56,25 m<sup>3</sup>), ngăn bơm (thể tích 11,25m<sup>3</sup> gồm 03 bơm chìm, 2 hoạt động 1 dự phòng, công suất mỗi bơm Q=19L/s, cột áp 15m) đặt tại tầng hầm 2 của chung cư.

Nước thải sau Bể xử lý sơ bộ sẽ được bơm theo đường ống uPVC DN100mm, dài 65,8 m → Hồ ga thoát nước thải tự chảy (kích thước 1,5m x 1,2m x 1,8m) của dự án → Tự chảy theo đường ống uPVC 168mm, dài 13 m → Đấu nối vào Hệ thống

thoát nước và xử lý nước thải đô thị Dĩ An để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường.

Tại ngăn chứa, ngăn tách mỡ và ngăn bơm của Bể xử lý nước thải sơ bộ đặt 1 giờ chắn rác để lược rác và tách mỡ.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, vớt dầu mỡ tại ngăn tách mỡ của bể xử lý nước thải sơ bộ.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng khi xảy ra sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

3.2. Đảm bảo thu gom và đầu nối nước mưa theo phương án đã được chấp thuận tại Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Chung cư Phúc Đạt Connect 2 và Văn bản số 535/VPQLĐBIV.2-QLT2.1 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng quản lý đường bộ IV.2 Khu quản lý đường bộ IV – Cục Đường bộ Việt Nam.

3.3. Thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh và đầu nối vào Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Dĩ An, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.4. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.5. Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2 chịu trách nhiệm đóng phí dịch vụ xử lý nước thải cho Chung cư Phúc Đạt Connect 2 theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.





**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159 /GPMT-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện tại tầng hầm 1.
- Nguồn số 02: Khu vực ngăn bơm của bể xử lý nước thải sơ bộ tại tầng hầm 2.
- Nguồn số 03: Khu vực hồ bơm nước mưa tại tầng hầm 2.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

TT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, tuyến trục 105°45', múi chiều 3 <sup>0</sup> )
1	Khu vực máy phát điện tại tầng hầm 1	X (m)= 1204889 Y (m)= 612972
2	Khu vực ngăn bơm của bể xử lý nước thải sơ bộ tại tầng hầm 2	X (m) = 1204645 Y (m) = 612579
3	Khu vực hồ bơm nước mưa tại tầng hầm 2	X (m)= 1204648 Y (m) = 612513

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trồng cây xanh trong khuôn viên Chung cư để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bao đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159 /GPMT-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2023  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	185,4	Rắn	16 01 06	NH
2	Các loại dầu mỡ thải	166	Lỏng	16 01 08	NH
3	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	131	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	131	Lỏng	16 01 10	KS
5	Pin, ắc quy chì thải	345	Rắn	16 01 12	NH
6	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	881	Rắn	16 01 13	NH
7	Bao bì mềm có các thành phần nguy hại (chất tẩy rửa, sát trùng, phân bón,...)	140	Rắn	18 01 01	KS
8	Bao bì kim loại có các thành phần nguy hại (bình xịt côn trùng/lon sơn thải,...)	209	Rắn	18 01 02	KS
9	Bao bì cứng chứa thành phần nguy hại (thùng sơn thải, bao chứa hóa chất, chai lọ đựng hóa chất, vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật...).	196	Rắn	18 01 03	KS
10	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	121	Rắn	18 02 01	KS



11	Hoá chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	101	Lỏng	19 05 03	KS
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>2.606,4</b>			

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu mỡ thải	12 06 11	3.650
2	Bùn thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ	-	333,6
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>3.983,6</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...); chất thải thực phẩm (rau quả, thực phẩm thừa,...), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 2.758,9 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 11 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 8 m<sup>2</sup> (bố trí tại tầng hầm 1 của khu chung cư).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa)... theo quy định.

**2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:** Không

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 01 thùng loại 240 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu mỡ thải.

- Bùn thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 06 tháng/lần.



2.2.2. Kho lưu chứa: bố trí cùng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa**

- Đối với phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại từng tầng của khu chung cư: trang bị 01 thùng chứa màu xanh loại 240 lít chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa màu vàng loại 120 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu cam loại 60 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

- Đối với nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư: trang bị 50 thùng chứa màu xanh loại 240 lít chứa chất thải thực phẩm, 15 thùng chứa màu vàng loại 120 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 5 thùng chứa màu cam loại 120 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

#### **2.3.2. Kho/ khu vực lưu chứa**

- Mỗi tầng bố trí 02 phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 2,7m<sup>2</sup>/phòng được thiết kế, cấu tạo: Vách tường ốp gạch men bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, cửa 02 lớp, một ống gió bằng chất liệu tole, với kích thước 300 x 250 mm, có trang bị 1 vòi nước và bố trí miệng phễu thu nước sàn với kích thước 150x150 mm thu nước.

- Kho lưu chứa tập trung tại tầng 1 của khu chung cư diện tích 36 m<sup>2</sup> với thiết kế, cấu tạo: Vách tường ốp gạch men bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, cửa 02 lớp, bố trí 2 quạt hút chạy luân phiên nhau.

### **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

- Xây dựng quy định quản lý khu chung cư; hướng dẫn các hộ dân, khu thương mại dịch vụ, trường học thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*), phân loại chất thải nguy hại; tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sau phân loại. Các hộ dân sẽ mang chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại bỏ vào 03 thùng rác được dán nhãn theo từng loại đặt tại phòng chứa rác của mỗi tầng. Định kỳ hàng ngày, nhân viên của Công ty TNHH Phúc Đạt Connect 2 sẽ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của mỗi tầng lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư bằng thang kỹ thuật.

- Đối với chất thải nguy hại sau khi đã phân loại, người dân sẽ tự mang đến kho lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí tại tầng hầm 1 của khu chung cư.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại



Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Chung cư theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của Chung cư; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

**Phụ lục 4**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 159 /GPMT-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)



1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.